

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : CRUISER PLUS
- Mã thiết kế : A9997B

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

- Công dụng : Thuốc trừ sâu
Thuốc trừ bệnh
Xử lý hạt giống

1.3. Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

- Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ
Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ
- Điện thoại : +41 61 323 11 11
- Telefax : +41 61 323 12 12
- Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MÔI NGUY

2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp

- Phân loại theo Quy chế (EU) 1272/2008

Thủy sản nhiễm độc cấp tính	Nhóm 1	H400
Thủy sản nhiễm độc mãn tính	Nhóm 1	H410

Đối với các văn bản đầy đủ của loại “H” nêu tại mục này, xem Mục 16.

- Phân loại theo Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

N, nguy hiểm cho môi trường

R50/53 Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

2.2. Yếu tố qui định về nhãn

- Ghi nhãn: Quy định (EC) số 1272/2008

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo mối nguy hiểm : H410
lâu dài.

Cảnh báo đề phòng : P273
P391
P501

Bổ sung thông tin : EUH401

Rất độc cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng

Tránh xa thải ra môi trường.

Thu dọn khi chảy tràn.

các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

Ghi nhãn: Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Biểu tượng:



Có hại

Nguy hiểm cho môi trường

Cụm từ R R50/53
bất lợi trong môi trường nước lâu dài.

Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động

Cụm từ -S

S 2

Đề xa tầm tay trẻ em.

S13

Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.

S20/21

Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.
Thêm vào nhãn	:	Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

2.3. Các mối nguy hiểm khác: chưa biết**MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO**

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Phân loại (67/548/EEC)	Phân loại (Quy chế (EC) số 1272/2008)	Độ đậm đặc
thiamethoxam	153719-23-4	F,Xn , N R11 R22 R50/53	Flam. Sol.2; H228 Cấp tính Tox.4; H302 Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	22,6% W/W
difenoconazole	119446-68-3	Xn , N R22 R50/53	Cấp tính Tox.4; H302 Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	2,2% W/W
fludioxonil	131341-86-1	N R50/53	Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	2,2% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - H nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Dem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013



Tiếp xúc với da	:	Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
Tiếp xúc với mắt	:	Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
Nuốt phải	:	Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai. Không được nôn mửa.

4.2. Triệu chứng quan trọng nhất và hiệu ứng, gồm cấp tính và lâu dài

Triệu chứng : không có

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

Tư vấn y tế : không có cách chữa trị cụ thể
Điều trị theo triệu chứng.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
 - Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước
- Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

Không được chạy ra từ đám cháy và nhảy xuống ruộng hoặc dòng nước.

Làm mát các thùng chứa đầy kín tiếp xúc với đám cháy bằng nước phun sương.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Ngăn ngừa trước sự rò rỉ hoặc đổ thuốc.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

**6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch**

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc mương nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

6.4. Tham khảo cho các phần khác

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Hãy tham khảo việc xem xét xử lý được liệt kê trong mục 13.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ**7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn**

Không có biện pháp bảo vệ dành riêng cho yêu cầu về chống cháy

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Để bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

Tính chất vật lý và hóa học ổn định cho ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong tình trạng đóng gói nguyên vẹn ở nhiệt độ môi trường.

7.3. Kết thúc sử dụng

Đăng ký sản phẩm bảo vệ cây trồng: Để sử dụng hợp lý và an toàn sản phẩm, xin vui lòng tham khảo các điều kiện phê duyệt trên nhãn hiệu sản phẩm.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN**8.1 Kiểm soát các thông số**

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
thiamethoxam	3 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta
difenoconazole	8 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta
fludioxonil	10 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

Các khuyến nghị sau đây để kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân dành cho sản xuất, phối trộn và đóng gói của sản phẩm.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

**8.2. Kiểm soát phơi nhiễm**

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào môi nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, dùng biện pháp kiểm soát thông gió.

Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

Biện pháp bảo vệ : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp

Bảo vệ cơ quan hô hấp : Một sự kết hợp của các mặt nạ phòng độc sử dụng cho khí, hơi và hạt hóa chất có thể là cần thiết cho đến khi các biện pháp kỹ thuật hiệu quả được thực hiện.

Mặt nạ bảo hộ làm sạch không khí bị hạn chế.

Sử dụng máy hô hấp khép kín trong các trường hợp sự cố tràn khẩn cấp, khi mức độ phơi nhiễm là không rõ, hoặc trong bất kỳ trường hợp nào mà mặt nạ lọc khí không có thể cung cấp sự bảo vệ đầy đủ.

Bảo vệ tay : Không yêu cầu sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học

Bảo vệ mắt : Không yêu cầu bảo hộ mắt.

Tuân thủ theo quy định về bảo vệ mắt ở khu vực làm việc

Bảo vệ da và cơ thể : Không yêu cầu thiết bị bảo vệ đặc biệt. Chọn đồ bảo vệ dựa vào tính chất cơ học của công việc

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ**9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản**

Tình trạng vật lý	: chất lỏng
Dạng	: chất lỏng
Màu sắc	: màu đỏ tới đỏ sậm
Mùi	: Không có thông tin có sẵn.
pH	: 4-8 tại 1% w/v
Điểm nóng chảy/khoảng	: Không có thông tin có sẵn.
Điểm sôi/sôi khoảng	: >90°C ở 1,013.25 hPa
Điểm cháy	: >90°C ở 994 hPa DIN EN 22719.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

Tỷ lệ bay hơi	:	Không có thông tin có sẵn.
Tính dễ cháy (rắn/khí)	:	Không dễ cháy.
Thấp hơn giới hạn nổ	:	Không có thông tin có sẵn.
Cao hơn giới hạn nổ	:	Không có thông tin có sẵn.
Áp suất hơi	:	Không có thông tin có sẵn.
Mật độ hơi tương đối	:	Không có thông tin có sẵn.
Tỷ trọng	:	1,14 – 1,18 g/cm ³ ở 20°C
Độ tan trong các dung môi khác	:	Không có thông tin có sẵn
Hệ phân số	:	Không có thông tin có sẵn.
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	Không có thông tin có sẵn.
Tự phân hủy	:	Không có thông tin có sẵn.
Độ nhớt, năng động	:	55,6 – 393 mPa.s ở 20°C. 42,1 – 331 mPa.s ở 40°C.
Độ nhớt, động học	:	Không có thông tin có sẵn.
Tính nổ	:	Không nổ
Tính oxy hóa	:	không oxy hóa

9.2. Các thông tin khác

Không có thông tin có sẵn.

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG**10.1. Tính phản ứng**

Không có thông tin có sẵn.

10.2. Tính ổn định hóa chất

Không có thông tin có sẵn.

10.3. Phản ứng nguy hại

Không có thông tin có sẵn.

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

10.4. Điều kiện để tránh

Không có thông tin có sẵn.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin có sẵn.

10.6. Sản phẩm phân hủy độc hại

Đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013



PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI

11.1. Thông tin về tác dụng độc tính

Độc cấp tính qua đường miệng	: LD50 chuột đực và cái là > 3.000 mg/kg
Độc cấp tính qua đường hô hấp	
thiamethoxam	: LD50 chuột đực và cái là > 3.720 mg/m ³ , 4h
difenoconazole	: LD50 chuột đực và cái là > 3.300 mg/m ³ , 4h
fludioxonil	: LD50 chuột đực và cái là > 2,6 mg/l, 4h
Nhiễm độc cấp tính qua da	: LD50 chuột đực và cái là > 4.000 mg/kg
Ăn mòn da/dị ứng	: Thỏ: không gây kích ứng
Dị ứng mắt	: Thỏ: không gây kích ứng
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	: Chuột lang: Không kích ứng da trong các thử nghiệm trên động vật.
Tế bào mầm đột biến	
Thiamethoxam	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Fludioxonil	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Gây ung thư	
Thiamethoxam	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Fludioxonil	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Độc tính sinh sản	
Thiamethoxam	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tái sinh trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tái sinh trong các thí nghiệm động vật.
Fludioxonil	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tái sinh trong các thí nghiệm động vật.
STOT - tiếp xúc lặp đi lặp lại	

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013



Thiamethoxam	:	không hiển thị các độc tính thần kinh trong các thí nghiệm động vật.
Difenoconazole	:	không hiển thị tác dụng phụ được ghi nhận trong các thí nghiệm.
Fludioxonil	:	không hiển thị tác dụng phụ được ghi nhận trong các thí nghiệm.
Thông tin thêm/ Thiamethoxam	:	không có tác dụng phụ ở người được dự kiến ở mức dưới giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp và khi sản phẩm được tiêu dung và sử dụng theo nhãn.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI**12.1. Độc tính**

Độc tính đối với cá	:	LC50 <i>Oncorhynchus mykiss</i> (cá hồi), 14 mg/l trong 96h.
Độc tính đối với động vật thủy sinh	:	EC50 <i>Daphnia magna</i> (bọ nước), 24 mg / l, 48 h EC50 <i>Cloeon sp.</i> , ca. 0,060mg/l, 48h Có nguồn gốc từ các thành phần
Độc tính đối với cây thủy sinh	:	Er50 <i>Pseudokirchneriella subcapitata</i> (tảo lục) 29 mg/l, 72h.

12.2. Sự tồn tại và phân hủy

Phân hủy sinh học của Fludioxonil	:	không dễ phân hủy
Tính ổn định trong nước của thiamethoxam:		Nửa chu kì phân hủy là: 11 ngày Không bền trong nước.
Difenoconazole	:	Nửa chu kì phân hủy là: 1 ngày Không bền trong nước.
Fludioxonil	:	Nửa chu kì phân hủy là: 450 - 700 ngày Bền trong nước.
Tính ổn định trong đất của thiamethoxam	:	Nửa chu kì phân hủy là: 51 ngày Không bền trong đất.
Difenoconazole	:	Nửa chu kì phân hủy là: 149-187 ngày Không bền trong đất.
Fludioxonil	:	Nửa chu kì phân hủy là: 14 ngày Không bền trong đất.

12.3. Sự tích tụ sinh học

Thiamethoxam	:	Có tiềm năng tích lũy thấp.
Difenoconazole	:	Có tiềm năng tích lũy

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

 Fludioxonil : không tích lũy

12.4. Tính di động trong đất

Thiamethoxam : Có tính di động trung bình trong đất.

Difenoconazole : Có tính di động thấp trong đất.

Fludioxonil : không di chuyển.

12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Thiamethoxam : Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT).

Chất này không được coi là bền cũng không tích tụ độc hại (VPvB).

Difenoconazole : Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT).

Chất này không được coi là bền cũng không tích tụ độc hại (VPvB).

Fludioxonil : Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT).

Chất này không được coi là bền cũng không tích tụ độc hại (VPvB).

12.6. Các tác dụng phụ Chưa biết

MỤC 13. PHÂN HỦY**13.1. Phương pháp xử lý chất thải**

Sản phẩm : Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng.

Không bỏ chất thải vào cống rãnh.

Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt.

Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.

Bao bì bị ô nhiễm : Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa.

Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải.

Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

THÔNG TIN AN TOÀN SẢN PHẨM

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013



CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013



MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận tải đường bộ (ADR / RID)

- 14.1. Số UN : UN 3082
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Thiamethoxam & Difenconazole)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 9
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 9
- 14.5. Tác động môi trường : độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

- 14.1. Số UN : UN 3082
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Thiamethoxam & Difenconazole)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 9
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 9
- 14.5. Tác động môi trường : gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

- 14.1. Số UN : UN 3082
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT GÂY HẠI CHO MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, KHÔNG TÊN GỌI KHÁC (Thiamethoxam & Difenconazole)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 9
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 9
- 14.5. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng: không có
- 14.6. Giao thông vận tải số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC: không áp dụng
-

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

15.1. Quy định / pháp luật cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho các chất hoặc hỗn hợp

GHS-ghi nhãn

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo mối nguy hiểm : H410 Rất độc cho đời sống thủy sinh với các ảnh hưởng lâu dài.

Cảnh báo đề phòng : P273 tránh thải ra môi trường.
P391 Thu dọn khi chảy tràn.
P501 Vứt bỏ các thùng chứa chất thải đã được phê duyệt xử lý nhà máy.

Bổ sung thông tin : EUH401 Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, cần thực hiện theo các hướng dẫn để sử dụng.

Ghi chú : Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn. Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Đánh giá An toàn hóa chất không cần thiết cho chất này.

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 2 và 3:

R11 Dễ cháy

R22 Có hại khi nuốt phải.

CRUISER PLUS 312.5 FS

Phiên bản 09

Ngày cập nhật: 09.12.2013

R36	Gây kích ứng cho mắt
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.
R52/53	Có hại cho sinh vật dưới nước, có thể gây ra tác dụng phụ lâu dài trong môi trường thủy sinh.

Văn bản đầy đủ của cụm từ - H theo mục 2 và 3.

H228	chất dễ cháy.
H302	hại nếu nuốt phải.
H400	Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.
H410	Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hiệu ứng lâu dài.
H412	Có hại cho đời sống thủy sinh với các hiệu ứng lâu dài.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
